

**Phụ lục số II**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

Tên Công ty đại chúng: **Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đáp Cầu**  
**Năm báo cáo 2015**

**I. Thông tin chung**

*1. Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tổng Công ty May Đáp Cầu
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2300102398
- Vốn điều lệ: 45.000.000.000 (Ba mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 45.000.000.000 (Bốn mươi lăm tỷ đồng)
- Địa chỉ: Khu 6 - Phường Thị Cầu - Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh
- Số điện thoại: 02413821259/02413826509
- Số fax: 02413821745.
- Website: Dagaco.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có):

*2. Quá trình hình thành và phát triển*

- Quá trình hình thành và phát triển:

+ Thành lập ngày 02/02/1967 lấy tên là Xí nghiệp X2

+ Năm 1994 đổi tên thành Công ty May Đáp Cầu theo QĐ số 75/QĐ-TCLĐ ngày 31/01/1994 của Bộ Trưởng Bộ Công Nghiệp Nhẹ.

+ Năm 2005 thực hiện cổ phần hoá và đổi tên thành Công ty cổ phần May Đáp Cầu theo quyết định số 109/2004/QĐ-BCN ngày 12/10/2004 của Bộ Trưởng Bộ Công Nghiệp.

+ Năm 2014 đổi tên thành Công ty cổ phần Tổng Công Ty May Đáp Cầu. Giấy phép ĐKKD ngày 12/06/2014 do Sở KHĐT tỉnh Bắc Ninh cấp.

Các sự kiện khác.

*3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

- Ngành nghề kinh doanh: Chủ yếu sản xuất kinh doanh XNK hàng may mặc, các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

- Địa bàn kinh doanh:

Trụ sở chính: Khu 6- Phường Thị Cầu - Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh

+ Xí nghiệp may Kinh Bắc: đường Nguyễn Văn Cừ - P. Ninh xá - TP Bắc Ninh - T. Bắc Ninh.

*4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

- Mô hình quản trị: Theo mô hình của Công ty cổ phần
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát - Ban điều hành - Bộ phận quản lý các cấp.

**- Công ty con:**

**1. Công ty CP Đáp Cầu - Yên Phong**

Địa chỉ: Xã Đông Tiến - huyện Yên Phong - tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất kinh doanh XNK hàng may mặc

Vốn điều lệ: 21.600.000.000 (Hai một tỷ sáu trăm triệu đồng)

Vốn điều lệ thực góp: 10.025.000.000 (Mười tỷ hai mươi lăm triệu đồng) chiếm 46,41% tỷ lệ sở hữu.

**2. Công ty CP Đáp Cầu - Lục Ngạn.**

Địa chỉ: Xã Kiên Thành - huyện Lục Ngạn - tỉnh Bắc Giang

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất kinh doanh XNK hàng may mặc  
Vốn điều lệ: 15.500.000.000 ( Mười lăm tỷ năm trăm triệu đồng)  
Vốn điều lệ thực góp: 4.900.000.000 (Bốn tỷ chín trăm triệu đồng) chiếm 31,61%  
tỷ lệ sở hữu

### **3. Công ty CP Đáp Cầu - Gia Khánh**

Địa chỉ: Thôn Xuân Quang - thị Trấn Gia Khánh - huyện Bình Xuyên - tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất kinh doanh XNK hàng may mặc  
Vốn điều lệ: 15.580.000.000 (Mười năm tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng).  
Vốn điều lệ thực góp: 3.374.800.000 (Ba tỷ ba trăm bảy mươi tư triệu tám trăm ngàn đồng) chiếm 21,6% tỷ lệ sở hữu.

#### **- Công ty liên kết:**

##### **1. Công ty CP May Sơn Động.**

Địa chỉ: Thôn Mặn - Xã An Lập - huyện Sơn Động - tỉnh Bắc Giang.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất kinh doanh XNK hàng may mặc  
Vốn điều lệ: 25.000.000.000 (Hai mươi lăm tỷ đồng)  
Vốn điều lệ thực góp: 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu đồng) chiếm 4,8% tỷ lệ sở hữu.

#### **5. Định hướng phát triển**

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Phát triển bền vững, thực hiện tăng trưởng hàng năm về doanh thu lợi nhuận quy mô. Đảm bảo việc làm và thu nhập người lao động ổn định cạnh tranh trong khu vực.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Thực hiện chiến lược về đào tạo nguồn nhân lực, mở rộng sản xuất, tăng năng suất giảm giờ làm. ...mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh khi đủ điều kiện.

6. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

7. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty).

- Chủ yếu vẫn làm theo hình thức gia công nên ảnh hưởng rất lớn từ khách hàng nước ngoài về đơn hàng, giá cả, nguồn cung cấp nguyên phụ liệu.
- Phụ thuộc vào các chính sách thuế, hải quan, ưu đãi của Nhà nước đối với các doanh nghiệp xuất khẩu sử dụng nhiều lao động.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

+ Doanh thu : 857.105.969.919đ  
+ Thu nhập khác: 5.375.133.867đ  
+ Chi phí : 821.389.020.708đ  
+ Lợi nhuận : 41.092.083.078đ

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: Các chỉ tiêu tăng trưởng và hiệu quả năm 2015 đều đạt và vượt so với chỉ tiêu kế hoạch thông qua ĐHCĐ.

### **2. Tổ chức và nhân sự**

- Danh sách Ban điều hành:

+ Ông Lương Văn Thư - TGD  
+ Ông Nguyễn Tiến Mạnh - P.TGD  
+ Bà Đặng Anh Đào - P.TGD  
+ Ông Nguyễn Ngọc Quang - GD ĐH  
+ Ông Nguyễn Tiến Dũng - GD ĐH  
+ Ông Nguyễn Đức Thắng - GD ĐH  
+ Ông Hà Toàn Thắng - GD ĐH

– (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Địa chỉ	Trình độ chuyên môn	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Lương Văn Thư	CT HĐQT - TGD	1967	Khu 5 – P. Thị Cầu – T. Bắc Ninh	Kỹ sư may	880.809	19,57%
2	Đặng Anh Đào	P.TGD	1968	Khu 2 – P. Thị Cầu – T. Bắc Ninh	Cử nhân TCKT	112.133	2,48%
3	Nguyễn Tiến Mạnh	P.TGD	1971	P. Suối Hoa- T. Bắc Ninh	Cử nhân QTKD	31.230	0,69%
4	Nguyễn Tiến Dũng	GĐ ĐH	1963	Đ. Nguyễn Cao – P. Ninh Xá – T. Bắc Ninh	Kỹ sư may	4.740	0,1%
5	Nguyễn Đức Thăng	GĐ ĐH	1972	Khu 2 – P. Thị Cầu – T. Bắc Ninh	Thạc sĩ QTKD	39.300	0,87%
6	Nguyễn Ngọc Quang	GĐ ĐH	1961	P. Vệ An – T. Bắc Ninh	Kỹ sư chế tạo máy	83.733	1,86%
7	Hà Toàn Thăng	GĐ ĐH	1970	Thị Cầu - Bắc Ninh	Cử nhân ngoại tệ	26.610	0,59%

– Số lượng cán bộ, nhân viên: 2.350 người. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ về lương, thưởng, BHXH cho người lao động theo đúng quy định và hợp đồng lao động. Phương án trả lương được thông qua hội nghị người lao động. Đảm bảo thu nhập bình quân trong năm 6.481.300đ/người/tháng.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm công ty chỉ thực hiện đầu tư chiều sâu bổ sung các thiết bị chuyên dùng cho các dây chuyền sản xuất với tổng giá trị: 20.090.782.794đ.

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

- Công ty CP Đáp Cầu - Yên Phong

+ Doanh thu : 97.692.533.026đ

+ Thu nhập khác: 125.391.868đ

+ Chi phí : 82.797.341.942đ

+ Lợi nhuận : 15.020.582.952đ

- Công ty CP Đáp Cầu - Gia Khánh

+ Doanh thu : 40.508.883.383đ

+ Thu nhập khác: 10.734.174đ

+ Chi phí : 38.986.464.576đ

+ Lợi nhuận : 1.533.152.981đ

- Công ty CP Đáp Cầu - Lục Ngạn

+ Doanh thu : 54.945.215.218đ

+ Thu nhập khác: 28.690.000đ

+ Chi phí : 68.673.003.483đ

+ Lợi nhuận : -13.699.098.265đ

- Công ty CP May Sơn Động (Cty liên kết)

+ Doanh thu : 39.693.312.355đ

+ Thu nhập khác: 41.031.062đ

+ Chi phí : 36.114.021.349đ

+ Lợi nhuận : 3.620.322.068đ

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	303.621.753.697	308.313.511.769	98.48
Doanh thu thuần	933.561.737.251	935.790.359.396	99.76
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	38.889.535.075	46.275.578.949	84.04
Lợi nhuận khác	2.654.232.330	1.076.490.213	246.65
Lợi nhuận trước thuế	41.543.767.405	47.352.069.162	87.73
Lợi nhuận sau thuế	29.456.836.054	36.791.897.214	80.06
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

– Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,95	1,04	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,89	0,88	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,64	0,66	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,79	1,89	

3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	4,04	4,04	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3,07	3,03	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,03	0,04	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,27	0,34	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,09	0,12	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,04	0,05	
.....			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:

Chỉ tiêu	Năm X-1	Năm X	Ghi chú
1. <i>Quy mô vốn</i>			
- Vốn điều lệ			
- Tổng tài sản có			
- Tỷ lệ an toàn vốn			
2. <i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>			
- Doanh số huy động tiền gửi			
- Doanh số cho vay			
- Doanh số thu nợ			
- Nợ quá hạn			
- Nợ khó đòi			
- Hệ số sử dụng vốn			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ			
3. <i>Khả năng thanh khoản</i>			
- Khả năng thanh toán ngay			
- Khả năng thanh toán chung			

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 4.500.000CP

- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông không hạn chế chuyển nhượng.
- b) Cơ cấu cổ đông:
  - Cổ đông là tổ chức: 01 - Tập Đoàn Dệt May Việt Nam có 1.081.800CP tương ứng 24,04%/VĐL.
  - Ngoài ra có cổ đông cá nhân có 3.418.200CP tương ứng 75,96%/VĐL. Các cổ đông nhỏ.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm Công ty tăng vốn thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn quỹ ĐTPT cho các cổ đông hiện hữu. Tỷ lệ 1:0.5. Vốn đầu tư của CSH trước tăng vốn là 30 tỷ đồng, sau tăng vốn là 45 tỷ đồng. Phương án này đã UBCK chấp thuận tại CV số 3420/UBCK-QLPH ngày 06/06/2014 của UBCK Nhà Nước.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch. Không.

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2015 các chỉ tiêu về tăng trưởng và hiệu quả đã đạt và vượt kế hoạch cụ thể như sau:

- + Doanh thu : 856 tỷ đạt 85,6% kế hoạch ( do tỷ lệ hàng FOB giảm)
- + Lợi nhuận: 41,092 tỷ . Tăng 1,79% so với năm 2014 ( 40,369 tỷ)
- + Thu nhập bình quân: 6.481.300đ/người/tháng tăng 2,87% so với năm 2014 (6.300.000đ).

Sản xuất ổn định, tăng hiệu quả, đời sống người lao động tăng và ổn định. Để đạt được kết quả trên là sự phấn đấu nỗ lực và kiên quyết trong công tác chỉ đạo điều hành, bám sát mục tiêu, tăng cường công tác quản lý sản xuất, cải tiến hệ thống, chú trọng công tác đào tạo, xây dựng văn hoá doanh nghiệp... của Ban giám đốc.

- Những tiến bộ Công ty đã đạt được: Công ty đã từng bước củng cố được vị trí của mình là một trong những doanh nghiệp may có uy tín, quy mô tăng trưởng hàng năm, bền vững. Đảm bảo các tiêu chuẩn về trách nhiệm XH, tiêu chuẩn về chất lượng được khách hàng tin tưởng.

#### 2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản: Trong quá trình hoạt động SXKD Công ty đã khai thác triệt để tài sản hiện có vào SX, trích khấu hao ở mức cao nhất đối với thiết bị nhằm nhanh chóng thu hồi vốn và đầu tư thiết bị mới hiện đại nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Không phát sinh công nợ xấu, nợ khó đòi.

#### b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ đến 31/12/2015, biến động lớn về các khoản nợ.

- +Vay và nợ ngắn hạn: 5.287.667.700đ
- +Phải trả người bán: 37.134.091.342đ
- +Người mua trả tiền trước: 16.433.949.846đ
- +Thuế và các khoản phải nộp nhà nước 958.541.720đ
- +Phải trả người lao động: 64.265.989.052đ
- + Các khoản phải trả phải nộp khác: 4.721.628.067đ
- + Vay và nợ dài hạn: 9.769.622.362đ

– Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*
4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*
5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).*

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*
2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*
3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

**V. Quản trị công ty** (Tổ chức chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty đại chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. *Hội đồng quản trị*
  - a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).
  - b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban).
  - c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.
  - d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.
  - e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp).
  - f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. *Ban Kiểm soát*
  - a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).
  - b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ). ĐV tính: Triệu đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	
1	Lương Văn Thư	TGD	463	347	54	
2	Nguyễn Tiến Mạnh	PTGD				
3	Đặng Anh Đào	PTGD	403	291	39	
4	Nguyễn Ngọc Quang	GĐDH	261	183	39	
5	Trần Việt	TVHĐQT			31.5	
6	Nguyễn Đăng Đông	TVHĐQT	183	135	39	

7	Nguyễn Tiến Dũng	GĐĐH	285	184		
8	Nguyễn Đức Thăng	GĐĐH	260	207		
9	Ng thị Hương Lan	TBKS	94.5		13.5	
10	Nguyễn Minh Quân	TVBKS	96.5		4.5	
11	Ng thị Hằng	TVBKS	96.5		4.5	
	<b>Cộng</b>		<b>2.142.5</b>	<b>1.347</b>	<b>225</b>	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

#### **VI. Báo cáo tài chính**

1. *Ý kiến kiểm toán Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý. Trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty cổ phần Tổng Công ty May Đáp Cầu tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho các năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.*

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Báo cáo hợp nhất gửi kèm.

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật  
của Công ty**



**CHỦ TỊCH H.Đ.QUẢN TRỊ  
LƯƠNG VĂN THU**